

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 78/2016/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 26 tháng 8 năm 2016

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định về chi phí dịch vụ chi trả cho đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ chi trả chế độ, chính sách trợ cấp, trợ giúp hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư Liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Nghị quyết số 66/2016/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về mức chi phí dịch vụ chi trả cho đơn vị tổ chức thực hiện dịch vụ chi trả chế độ, chính sách trợ cấp, trợ giúp hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Lào Cai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 132/TTr-SLĐTBXH ngày 05/8/2016.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định phương thức chi trả, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện phương thức chi trả chế độ, chính sách trợ cấp, trợ giúp hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Lào Cai; mức chi phí dịch vụ chi trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ chi trả chế độ, chính sách trợ cấp, trợ giúp hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Ủy ban nhân dân cấp huyện; đơn vị, tổ chức cung cấp dịch vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan đến quy trình thực hiện dịch vụ chi trả chế độ, chính sách trợ cấp, trợ giúp hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

### **Điều 2. Phương thức chi trả, mức chi thù lao và kinh phí thực hiện**

1. Phương thức chi trả: Thông qua đơn vị cung cấp dịch vụ.

2. Mức chi thù lao cho đơn vị cung cấp dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội hàng tháng được xác định căn cứ trên số lượng đối tượng xã hội đang hưởng trợ giúp hàng tháng tại xã, phường, thị trấn của các huyện, thành phố, cụ thể như sau:

Mức chi thù lao cho đơn vị cung cấp dịch vụ là 6.000 đồng/đối tượng xã hội đang hưởng trợ giúp hàng tháng, nhưng mức chi thù lao tối đa không quá 1.000.000 đồng/tháng/xã.

Đây là mức chi ngân sách nhà nước trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ, việc chi trả tiền thù lao cho cá nhân trực tiếp chi trả trợ cấp, trợ giúp xã hội do đơn vị cung cấp dịch vụ quyết định.

3. Kinh phí thực hiện phí dịch vụ chi trả trợ cấp: Từ nguồn ngân sách tỉnh.

### **Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị**

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Đề xuất, lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ chi trả chế độ, chính sách trợ cấp, trợ giúp hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Lào Cai, báo cáo UBND tỉnh quyết định.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và đơn vị cung cấp dịch vụ thống nhất phương án và hướng dẫn quy trình thực hiện chi trả chế độ chính sách trợ cấp, trợ giúp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn toàn tỉnh.

c) Phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện nội dung Quyết định này.

d) Ký kết hợp đồng trách nhiệm với đơn vị cung cấp dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn toàn tỉnh;

đ) Thống nhất với đơn vị cung cấp dịch vụ về nội dung mẫu hợp đồng giữa UBND các huyện, thành phố và đơn vị cung cấp dịch vụ để thực hiện chính sách chi trả chế độ trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội.

2. Sở Tài chính:

a) Cân đối, đảm bảo kinh phí thực hiện chi trả trợ giúp xã hội và thù lao chi trả trong dự toán ngân sách hàng năm theo Luật Ngân sách.

b) Hướng dẫn các đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch kinh phí hàng năm và tổ chức thanh quyết toán theo qui định.

3. UBND các huyện, thành phố:

a) Chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị có liên quan và UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về chế độ, chính sách trợ cấp, trợ giúp xã hội trên địa bàn.

b) Phối hợp thực hiện tốt phương án tổ chức chi trả chế độ trợ cấp, trợ giúp xã hội thông qua đơn vị cung cấp dịch vụ.

c) Ký kết hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn quản lý.

d) Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hàng tháng chuyển danh sách đối tượng và kinh phí chi trả trợ giúp xã hội cho đơn vị cung cấp dịch vụ; đối chiếu, xác nhận số liệu quyết toán kinh phí thực chi trả trợ giúp xã hội và chi phí dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội của đơn vị cung cấp dịch vụ; thanh toán chi phí dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội cho đơn vị cung cấp dịch vụ.

đ) Hàng năm lập dự toán kinh phí dịch vụ trả trợ giúp xã hội trên địa bàn gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình UBND tỉnh theo quy định.

e) Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ và Phòng Tài chính- Kế hoạch quyết toán kinh phí thực hiện chính sách theo đúng quy định về quản lý ngân sách. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh hoặc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

g) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính kiểm tra, giám sát đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện việc chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng.

#### 4. UBND các xã, phường, thị trấn:

a) Theo dõi và giám sát việc chi trả đối với đơn vị cung cấp dịch vụ chi trả trợ giúp cho đối tượng bảo trợ xã hội.

b) Hàng tháng tổng hợp và báo cáo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố ý kiến phản hồi của người dân đối với dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội qua đơn vị cung cấp dịch vụ.

#### 5. Đơn vị cung cấp dịch vụ:

a) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về việc cung cấp dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội hàng tháng cho đối tượng trên địa bàn tỉnh đảm bảo đầy đủ, kịp thời, an toàn tuyệt đối theo đúng các nội dung đã cam kết.

b) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Tài chính thống nhất phương án và hướng dẫn các huyện, thành phố phối hợp thực hiện quy trình chi trả chế độ chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội thông qua đơn vị cung cấp dịch vụ chi trả.

c) Ký hợp đồng cung cấp dịch vụ với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố.

d) Chỉ đạo thực hiện tốt phương án tổ chức chi trả chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có

liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính đề hướng dẫn thực hiện hoặc nghiên cứu, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

**Điều 5. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2016.

2. Quyết định số 697/QĐ-UBND ngày 25/3/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc quy định mức chi thù lao cho cá nhân trực tiếp chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng trên địa bàn tỉnh Lào Cai hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Đặng Xuân Phong**